TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2018/DS – PT
Ngày: 03/7/2018
V/v "Tranh chấp về hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2018/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp về hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122a/2017/DS – ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2018/QĐ – PT ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1953; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tiền: Bà Nguyễn Thị B – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm: 1968; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1974; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1977; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Trần Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T có làm đầu thảo hụi, bà Trần Thị P là người trực tiếp chơi hụi với bà, bà P tham gia của bà T các dây hụi sau:

- Ba dây hụi tháng, mệnh giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), khui vào ngày 25/5/2015 (âm lịch), mỗi dây gồm 25 phần, đến ngày 25/5/2017 (âm lịch) thì hụi mãn, bà P tham gia vào 03 dây hụi trên 03 phần. Ngày 25/5/2015 bà P kêu đầu hốt hụi với giá 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng), trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), còn lại bà T giao cho bà P mỗi dây hụi với số tiền 16.300.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng) x 03 dây = 48.900.000 đồng (bốn mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 25/11/2016 được 18 tháng hụi chết số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 25/01/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 06 tháng hụi chết của 03 dây hụi với số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

- Một dây hụi tháng, mệnh giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khui vào ngày 10/10/2015 (âm lịch) gồm 25 phần, đến ngày 10/10/2017 (âm lịch) thì hụi mãn, bà P tham gia vào dây hụi trên 01 phần. Ngày 10/10/2015 bà P kêu đầu hốt hụi với giá 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng), trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng (một triệu đồng), còn lại bà T giao cho bà P số tiền 32.600.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 10/12/2016 được 14 tháng hụi chết số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 10 tháng hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Hai dây hụi tháng, mệnh giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), khui vào ngày 10/10/2015 (âm lịch), gồm 25 phần, đến ngày 10/10/2017 thì hụi mãn, bà P tham gia vào 02 dây hụi trên 02 phần. Ngày 10/10/2015 bà P kêu đầu hốt hết 02 dây hụi, mỗi dây với giá 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng), trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), còn lại bà T giao cho bà P số tiền 16.300.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng) x 02 dây = 32.600.000 (ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 10/12/2016 được 14 tháng hụi chết số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) thì không

đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 10 tháng hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Một dây hụi tháng, mệnh giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khui vào ngày 15/01/2016 (âm lịch), gồm 26 phần, đến ngày 15/02/2018 thì hụi mãn, bà P tham gia vào dây hụi trên 01 phần. Ngày 15/01/2016 bà P kêu đầu hốt hụi với giá 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng (một triệu đồng), còn lại bà T giao cho bà P số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 15/12/2016 được 12 tháng hụi chết số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 13 tháng hụi chết với số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

- Một dây hụi tháng, mệnh giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), khui vào ngày 01/8/2016 (âm lịch), gồm 24 phần, đến ngày 01/8/2018 thì mãn, bà P tham gia vào dây hụi trên 01 phần. Ngày 01/8/2016 (âm lịch) bà P kêu đầu hốt hụi với giá 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 16.100.000 đồng (mười sáu triệu một trăm ngàn đồng), trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), còn lại bà Tiền giao cho bà P số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 01/12/2016 được 04 tháng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 19 tháng hụi chết với số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

- Một dây hụi tháng, mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), khui vào ngày 01/8/2016 (âm lịch), gồm 24 phần, đến ngày 01/8/2018 thì mãn, bà P tham gia vào dây hụi trên 01 phần. Ngày 01/8/2016 (âm lịch) bà P kêu đầu hốt hụi với giá 140.000 đồng (một trăm bốn mươi ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 8.280.000 đồng (tám triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), còn lại bà T giao cho bà P số tiền 8.030.000 đồng (tám triệu không trăm ba mươi ngàn đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 01/12/2016 được 04 tháng hụi chết số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà Tiền có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà T 19 tháng hụi chết với số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng).

- Một dây hụi tháng, mệnh giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khui vào ngày 09/9/2016 (âm lịch), gồm 26 phần, đến ngày 09/11/2017 thì mãn, bà P

tham gia vào dây hụi trên 01 phần. Ngày 09/9/2016 (âm lịch) bà P kêu đầu hốt hụi với giá 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), số tiền hốt hụi là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng (một triệu đồng), còn lại bà T giao cho bà P số tiền 34.000.000 đồng (ba bốn triệu đồng). Bà P đóng hụi cho bà T đến ngày 10/12/2016 được 03 tháng hụi chết số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) thì không đóng nữa. Đến ngày 20/02/2017 bà T có yêu cầu bà P đóng số tiền hụi còn lại nhưng bà P không đóng. Như vậy bà P còn nợ lại bà Tiền 22 tháng hụi chết với số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Đến nay bà P nợ bà Tiền 10 dây hụi với tổng số tiền là: 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng) + 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) + 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) + 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) + 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) + 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng) + 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng) = 156.500.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Nay bà T yêu cầu bà P trả lại cho bà T số tiền hụi còn nợ là 156.500.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Số tiền hụi bà P còn nợ lại bà T nêu trên có những người cùng chơi hụi với bà P biết và xác nhận việc này.

Bà P đã ly hôn với chồng, không có chồng khi chơi hụi với bà T nên bà T chỉ yêu cầu một mình bà P trả tiền hụi cho bà.

Bị đơn bà Trần Thị P Tòa án đã tống đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn, Thông báo thụ lý vụ án, bản sao các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giấy mời hợp lệ của Tòa án nhưng bà P vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp. Bà P vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu của bà T. Tại phiên tòa bà P vắng mặt nên không có ý kiến, lời trình bày của bà P tại phiên tòa.

Do không tiến hành hòa giải được Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 122a/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 đã tuyên:

Áp dụng các điều 26, 72, 147, 199, 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 429, 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị P. Buộc bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi là 156.500.000đồng (một trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2018 bị đơn bà Trần Thị P kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị đơn bà Trần Thị P tại phiên tòa phúc thẩm: bà không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, bản án cho đương sự thông qua niêm yết công khai là đúng trình tự thủ tục tố tụng. Bản án sơ thẩm được tống đạt ngày 14/9/2017 nhưng đến ngày 16/5/2018 bà P mới kháng cáo là quá hạn nhưng không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Theo danh sách chơi hụi ghi rõ bà P có tham gia chơi hụi với bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng cũng đã trình bày là bà P có tham gia chơi hụi với bà T. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 122a/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền hụi 156.500.000 đồng là không có căn cứ. Vì sổ họ do bà T tự lập theo dõi, chưa thể hiện được việc bà P có tham gia hụi và hốt hụi, đóng hụi ngày nào, không có chữ ký hoặc điểm chỉ, chữ viết của bà P xác nhận trong sổ họ là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 144/2006 ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị P, sửa Bản án sơ thẩm số 122a/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị P và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án "Tranh chấp hụi" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Trần Thị P. Tuy nhiên, bà P vắng mặt tại phiên Tòa. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tống đạt bản án cho bà P bằng cách niêm yết công khai vào ngày 14/9/2017 đến ngày 9/4/2018 bà P nộp đơn kháng cáo cho Tòa án. Theo hồ sơ kháng cáo quá hạn thể hiện Tòa án nhân dân huyện C niêm yết bản án tại 03 nơi là: trụ sở ấp, trụ sở Ủy ban nhân dân xã và trụ sở Tòa án nhưng không thể hiện việc niêm yết tại nơi cư trú của đương sự. Do việc niêm yết này là không đúng quy định nên Hội đồng xét kháng cáo quá hạn đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà P. Trình tự cấp, tống đạt văn bản tố tụng, bản án cho bị đơn của Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù có sai sót, chưa đúng trình tự, thủ tục tố tụng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Trần Thị P không có khiếu nại về tố tụng và đề nghị hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết về nội dung vụ án.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án chỉ có các danh sách những người tham gia chơi hụi do bà làm đầu thảo. Nhưng các danh sách này chính bà T trình bày là do bà tự ghi để theo dõi. Bị đơn bà Trần Thị P không thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo. Người làm chứng cho bà T tại phiên tòa phúc thẩm là bà Lê Thị Hồng D có trình bày bà chỉ biết bà P có tham gia chơi hụi với bà T là do bà T nói, thực tế bà không thấy bà P đến khui hụi lần nào. Người làm chứng là bà Lê Thị Hồng L trình bày là bà có gặp bà P đi khui hụi nhưng không nhớ rõ thời gian nào, dây hụi nào, số tiền hụi là bao nhiêu. Do đó, chưa có chứng cứ nào để chứng minh bà P có tham gia chơi hụi như bà T trình bày. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 144/2006 ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định sổ họ có các nội dung như *"tên, địa chỉ của chủ họ và các thành viên họ; phần họ, kỳ mở họ, thể thức góp họ và lãnh họ; số tiền, tài sản khác đã góp họ hoặc đã lãnh họ; việc chuyển giao phần họ; việc ra khỏi họ và chấm dứt họ; chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp họ và lĩnh họ ..."*. Như vậy, sổ họ do bà T tự lập theo dõi, chưa thể hiện được việc bà P có tham gia hụi và hốt hụi, đóng hụi ngày nào, không có chữ ký hoặc điểm chỉ, chữ viết của bà P xác nhận trong sổ họ là không đúng theo quy định của pháp luật. Bà T khởi kiện để yêu cầu bà P trả số tiền

156.500.000 đồng nhưng bà P không thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo và bà T cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà P có tham gia chơi hụi. Vì vậy, khởi kiện của bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Tiền là người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà Tiền.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị P không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 122a/2017/DS – ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi là 156.500.000đồng (một trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị T được miễn. Hoàn lại cho bà T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.912.500 đồng (ba triệu chín trăm

mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0023621 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P không phải chịu. Hoàn lại cho bà P tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017415 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Kim Của